TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HSST
Ngày 21 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tất Thắng;
- Các hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn T Trung;

2- Bà Dương Thị Oanh;

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/HSST, ngày 17 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: Đoàn Đức T, sinh năm 1979;

Nơi ĐKNKTT: Tổ 16, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Đoàn Văn M (Đã chết); Con bà Vũ Thị N, sinh năm 1938. Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy trong gia đình; Chưa có vợ con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 tiền án;

- Tại bản án số 25/2006/HSST ngày 27/4/2006 bị TAND tỉnh Bắc Kạn xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 2 Điều 194. Bị cáo chấp hành xong hình phạt năm 2011, chưa được xóa án tích.
- Tại bản án số 03/2014/HSST ngày 24/02/2014 bị TAND huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 2 Điều 194 BLHS. Bị cáo đang chấp hành bản án từ ngày 07/9/2013 (Quyết định thi hành án hình phạt tù số 09/2014/QĐ-CA ngày 28/3/2014 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn). Tính đến ngày 20/11/2017 bị cáo đã thi hành hình phạt tù được 4 năm, 2 tháng, 14 ngày.

Bị cáo không bị giam, giữ trong vụ án này (Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại đội 18, phân trại 1, Trại giam Phú Sơn 4, tổng cục VIII, Bộ công an), có mặt tại phiên tòa.

2- Họ và tên: Trịnh Văn Đ, sinh năm 1983;

Nơi ĐKNKTT: Xóm B, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trịnh Văn B, sinh năm 1960; Con bà La Thị L, sinh năm 1962. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ là: Hoàng Thị T, sinh năm 1985; Con: Có 01 con, sinh năm 2007.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án, tại bản án số 38/2013/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2013 của TAND tỉnh Cao Bằng xử phạt bị cáo 09 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 3 Điều 138 BLHS. Bị cáo đang chấp hành bản án từ ngày 05/3/2013 (Quyết định thi hành án hình phạt tù số 83/2013/QĐ-CA ngày 08/10/2013 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng). Tính đến ngày 20/11/2017 bị cáo đã thi hành hình phạt tù được 4 năm, 8 tháng, 16 ngày.

Bị cáo không bị giam, giữ trong vụ án này (Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại đội 18, phân trại 1, Trại giam Phú Sơn 4, tổng cục VIII, Bộ công an), có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các bị cáo Đoàn Đức T và Trịnh Văn Đ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 11 giờ 10 phút ngày 18/7/2016, tại Phân trại số 1, Trại giam Phú Sơn 4, Tổng cục VIII, Bộ công an đóng trên địa bàn xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, qua công tác kiểm tra phạm nhân vào trại, cán bộ trại giam đã bắt quả tang bị cáo Trịnh Văn Đ và bị cáo Đoàn Đức T có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, cụ thể phát hiện trong hậu môn của bị cáo Đ có 01 gói nhỏ được bọc gói bên ngoài bằng vỏ bao cao su, lớp bên trong được bọc bằng nilong màu đen, bên trong có 02 gói nhỏ, trong đó 01 gói có chứa chất bột màu trắng nghi là heroin được gói bên ngoài bằng lớp nilong màu trắng và 01 gói chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp dạng đá được gói bên ngoài bằng 01 lớp nilong màu trắng.

Tại bản kết luận giám định số 860/KL-PC54 ngày 20/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Gói chất bột màu trắng thu giữ của bị cáo Đ là chất ma túy loại Heroin, trọng lượng (Khối lượng) 9,82gam; chất tinh thể rắn màu trắng thu giữ của bị cáo Đ là chất ma túy loại Methamphetamine, trọng lượng (Khối lượng) 4,07 gam.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: Bị cáo Đ và bị cáo T đều là phạm nhân đang cải tạo tại Đội 18, Phân trại 1, Trại giam Phú Sơn 4, Tổng cục VIII, Bộ công an. Đầu buổi sáng ngày 18/7/2016 bị cáo Trịnh Văn Đ và bị cáo Đoàn Đức T xếp hàng tập trung ở sân trại để chuẩn bị ra hiện trường lao động của Đội 18. Lúc này bị cáo T nói chuyện hỏi bị cáo Đ xem có dám mang ma túy vào trại không, có người nhờ vận chuyển gói ma túy từ bên ngoài vào trong trại giam, nếu mang sẽ được trả công 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), thấy có lợi bị cáo Đ đồng ý. Sau khi nhận lời vận chuyển ma túy vào trại, bị cáo T nói cho bị cáo Đ biết gói ma

túy được cất giấu bên dưới viên gạch, gần cột điện ở trong khu vực sản xuất gạch của Đội 18, rồi cả hai bị cáo cùng xuất trại theo đội ra khu lao động. Ra đến khu lao động, bị cáo Đ đi đến chỗ cột điện cách nhà để than viên 5,5m quan sát thấy có viên gạch như bị cáo T mô tả, Đ lật viên gạch lên lấy gói ma túy cất vào túi quần bên trái đang mặc rồi đi lao động bình thường. Đến giờ nghỉ trưa, cán bộ quản giáo cho phạm nhân tắm rửa để nhập trại, Đ đi vào khu vực nhà tắm gặp T, T hỏi "Thấy chưa?" Đ trả lời "Thấy rồi". Do lúc này có đông phạm nhân đang tắm, T nói "Mang vào trong trại thì đưa cho tao". Trong quá trình tắm bị cáo Đ lấy gói ma túy nhét vào hậu môn của mình rồi cùng các phạm nhân khác đi qua cổng kiểm tra để vào trại thì bị phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng của vụ án: 02 bì niêm phong ký hiệu T1, T2 vật chứng còn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu H3 ghi bên trong có 01 vỏ bì niêm phong ký hiệu T1, bao cao su, giấy nilong màu trắng, nilong màu đen.

Tại bản Cáo trạng số 56/QĐ - VKS ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương đã truy tố các bị cáo Đoàn Đức T và Trịnh Văn Đ về tội: Vận chuyển trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm h, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương đã công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Đức T và Trịnh Văn Đ phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Đề nghị áp dụng điểm h, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 51, 53 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Đoàn Đức T từ 11 đến 12 năm tù. Tổng hợp phần hình phạt chưa chấp hành (3 năm, 3 tháng, 16 ngày) của Bản án số 03/2014/HSST ngày 24/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định.

- Xử phạt: Trịnh Văn Đ từ 10 đến 11 năm tù. Tổng hợp phần hình phạt chưa chấp hành (4 năm 3 tháng 14 ngày) của Bản án số 38/2013/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2013 của TAND tỉnh Cao Bằng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo do các bị cáo đang trong thời gian chấp hành án, không có điều kiện để thi hành.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 Bộ luật hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy 03 phong bì niêm phong ký hiệu T1, T2, H3;

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Trịnh Văn Đ, Đoàn Đức T đều nhất trí với nội dung Bản luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương , của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, trong giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, Trại giam Phú Sơn 4 đã để qúa hạn luật định trên 7 tháng vi phạm khoản 2 Điều 103 của Bộ luật TTHS và khoản 2 Điều 13 Thông tư liên tịch số 06/2013 ngày 02/8/2013 quy định về thời hạn giải quyết tố giác, tin báo tội phạm... vi phạm này đã được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên có Kết luận kiểm sát trực tiếp số 01/KN-VKS ngày 24/8/2017. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

- Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả, các bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, biên bản xác định trọng lượng, kết luận giám định, lời khai của những người làm chứng.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Sáng ngày 18/7/2016 tại khu vực lao động sản xuất gạch của Đội 18 và cổng Phân trại số 1, Trại giam Phú Sơn 4, Tổng cục VIII, Bộ công an thuộc địa bàn xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Đoàn Đức T và Trịnh Văn Đ đã đồng phạm vận chuyển trái phép 9,82 gam chất ma túy loại Heroin và 4,07 gam chất ma túy loại Methamphetamine, mục đích vận chuyển vào bên trong Trại giam Phú Sơn 4 để kiếm lời thì bị phát hiện bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng.

Như vậy với hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy từ bên ngoài vào bên trong trại giam nhằm mục đích kiếm lời của các bị cáo Trịnh Văn Đ và Đoàn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Vận chuyển trái phép chất ma túy"*.

Các bi cáo Đoàn Đức T, Trịnh Văn Đ đều đã có tiền án và đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù giam. Lần phạm tội này của các bị cáo được xác định là tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Chất ma túy mà các bị cáo vận chuyển là Hêrôin và Methamphetamine có trọng lượng trên năm gam nhưng dưới ba mươi gam do đó, các bị cáo còn phải chịu tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Nội dung của Điều 194 Bộ Luật Hình sự quy định:

"1. Người nào..., vận chuyển,... trái phép... chất ma túy,thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

...

h, Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam;

...

p, Tái phạm nguy hiểm."

Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố các bị cáo Đoàn Đức T và Trịnh Văn Đ về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" theo điểm h, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc dược của Nhà nước, nhất là trong môi trường là trại giam, nơi các bị cáo chịu sự quản lý chặt chẽ của giám thị trại giam, thể hiện sự coi thường pháp luật. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã và đang bị pháp luật ngăn cấm, bị xã hội lên án, do đó cần phải xử phạt mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Các bị cáo phạm tội lần này đều là tái phạm nguy hiểm, nhưng tình tiết này đã được áp dụng là tình tiết định khung hình phạt nên không được coi là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Đoàn Đức T và Trịnh Văn Đ đều có nhân thân xấu, bản thân các bị cáo đều đã có tiền án đồng thời đang trong thời gian chấp hành một bản án, nhưng các bị cáo đã không tu dưỡng, rèn luyện cải tạo bản thân mà lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội mới, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, khi lượng hình cần phải xử lý thật nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung, đồng thời cần tổng hợp hình phạt của nhiều bản án bản án buộc các bị cáo chấp hành hình phạt chung theo quy định của pháp luật.

Về vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có sự bàn bạc thống nhất cùng tiếp nhận ý chí của nhau, bị cáo Đoàn Đức T có vai trò chính là người khởi xướng , rủ rê, lôi kéo Trịnh Văn Đ thực hiện; bị cáo Trịnh Văn Đ tham gia với vai trò là người thực hiện tích cực, trực tiếp vận chuyển ma túy theo kế hoạch của T. Do đó, khi lượng hình cần buộc bị cáo T phải chịu trách nhiệm cao hơn.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân đối với các bị cáo. Hội

đồng xét xử thấy rằng cần thiết xử phạt bị cáo Đoàn Đức T mức án từ 11 đến 12 năm tù, cần áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp phần hình phạt chưa chấp hành (3 năm, 3 tháng, 16 ngày) của Bản án số 03/2014/HSST ngày 24/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn (hình phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 2 Điều 194 BLHS, tính đến ngày 20/11/2017 bị cáo đã thi hành hình phạt tù được 4 năm, 2 tháng, 14 ngày). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định; cần thiết xử bị cáo Trịnh Văn Đ từ 10 đến 11 năm tù, áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp phần hình phạt chưa chấp hành (4 năm 3 tháng 14 ngày) của Bản án số 38/2013/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2013 của TAND tỉnh Cao Bằng (09 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 3 Điều 138 BLHS, tính đến ngày 20/11/2017 bị cáo đã thi hành hình phạt tù được 4 năm, 8 tháng, 16 ngày). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định. Có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích vụ lợi lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự để phạt bổ sung đối với các bị cáo, tuy nhiên xét hoàn cảnh của các bị cáo hiện nay đều có không nghề nghiệp, đang phải chấp hành hình phạt tù giam, không có điều kiện thi hành án khoản tiền phạt. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo là phù hợp, cần miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Mức hình phạt mà Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp.

- Về những vấn đề khác:

+ Về vật chứng: Cần áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy các vật chứng của vụ án gồm: 01 bì niêm phong ký hiệu T1 bên trong có 9,595 gam mẫu T1 là chất ma túy loại Heroin còn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu T2 bên trong có 3,728 gam mẫu T2 là chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu H3 bên trong có 01 vỏ bì niêm phong ký hiệu T1, bao cao su, giấy nilon màu trắng, nilon màu đen.

+ Án phí: Các bị cáo Đoàn Đức T và Trịnh Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước, theo quy định của pháp luật.

+ Về nguồn gốc số ma túy bị cáo T khai vận chuyển thuê cho anh Hoàng Văn T, phạm nhân cải tạo tại Đội 16, phân trại số 1, Trại giam Phú Sơn 4. Quá trình điều tra vụ án, T không thừa nhận, do đó chưa đủ cơ sở xử lý đối với T, Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương phối hợp với Trại giam Phú Sơn 4 tiếp tục điều tra làm rõ.

Bởi các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Đức T và Trịnh Văn Đ phạm tội: Vận chuyển trái phép chất ma túy.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm h, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 50, 51, 53 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Đoàn Đức T 11 (Mười một) năm tù. Tổng hợp hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 03/2014/HSST ngày 24/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn là 3 năm, 3 tháng, 16 ngày. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 năm, 3 tháng, 16 ngày (Mười bốn năm, ba tháng, mười sáu ngày) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2017.

- Xử phạt: Trịnh Văn Đ 10 (Mười) năm tù. Tổng hợp hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 38/2013/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2013 của TAND tỉnh Cao Bằng là 4 năm, 3 tháng, 14 ngày. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 năm, 3 tháng, 14 ngày (Mười bốn năm, ba tháng, mười bốn ngày) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2017.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 41 của Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Các bì niêm phong có ký hiệu T1, T2, H3 (Tình trạng, đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Phú Lương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương lập ngày 26/10/2017).

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đoàn Đức T và Trịnh Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST sung quỹ Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Đoàn Đức T và Trịnh Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tất Thắng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Lương;
- Công an huyện Phú Lương;
- T.H.A DS huyện Phú Lương ;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VT, T.H.A HS.